

Bản án số: **189/2019/HS-ST**
Ngày: 21/11/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Quách Thị Phương Thuý.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Hoan, bà Nguyễn Thị Thùy Liễu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Văn Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 147/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2019/QĐXXST-HS 25/9/2019 và các thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án đối với các bị cáo:

1. Lê Vũ L, sinh năm 1990. ĐKKHKT: Ấp H, xã T, huyện Đ, tỉnh Cà Mau. Chỗ ở: Không cố định. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Lê Văn L và bà Võ Thị Q. Gia đình có 06 anh em, bị cáo là thứ tư. Tiền sự: Chưa. Tiền án: Tại Bản án số 154 ngày 25/3/2013, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (*ra trại ngày 06/11/2016, chưa được xóa án tích*). Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 04/4/2019. Có mặt.

2. Vũ Ngọc G, sinh năm 1999. ĐKKHKT và chỗ ở: Số 39/71 N, phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Sinh viên. Trình độ văn hóa: 12/12. Dân tộc: Kinh. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông Vũ Đức L và bà Đỗ Thị T. Gia đình có 02 anh em, bị cáo là thứ hai. Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Phạm Đình Đ, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Thôn 3, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

** Người làm chứng:* Anh Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số 2 ngõ 306 N, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do quen biết qua mạng xã hội facebook nên Phạm Đình Đ biết Vũ Ngọc G có thể làm các loại giấy tờ giả. Khoảng giữa tháng 12/2018, do có nhu cầu xin việc, Đ sử dụng tài khoản facebook “Phạm Đình Đ” liên hệ với tài khoản facebook “Hoàng Võ” của G, đặt vấn đề với G làm giả cho Đ 01 bằng tốt nghiệp Cao đẳng của trường Đại học C cùng bảng điểm và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 đều mang tên Đ với giá 4.500.000đ. Sau đó Đ gửi cho G qua facebook ảnh chụp căn cước công dân và ảnh chân dung của mình. Ngày 15/12/2018, Đ sử dụng tài khoản ngân hàng V của mình số 103868615230 chuyển số tiền 2.000.000đ đến tài khoản của G số 250426049 tại ngân hàng A để đặt cọc. Sau khi nhận được tiền của Đ, G tìm hiểu trên mạng xã hội facebook biết tài khoản facebook “Tran Le” của Lê Vũ L có thể làm giấy tờ giả giá rẻ, G đặt L làm các giấy tờ giả cho Đ gồm: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng trường Đại học C cùng bảng điểm giá 1.500.000đ; giấy phép lái xe hạng B2 giá 1.000.000đ, tổng là 2.500.000đ. Trưa ngày 18/12/2018, G nhắn tin chuyển ảnh chụp căn cước công dân, ảnh chụp chân dung của Đ cho L. L sử dụng tài khoản mạng xã hội Zalo của mình tên “Nguyễn Huy” tìm trên Zalo người nhận làm giấy tờ giả mà G đặt (*không nhớ tên tài khoản Zalo, số điện thoại, là ai, ở đâu*) với giá: Bằng tốt nghiệp cùng bảng điểm giá 800.000đ; giấy phép lái xe hạng B2 giá 500.000đ, tổng là 1.300.000đ. L chuyển ảnh của Đ cho đối tượng làm giấy tờ giả qua tài khoản Zalo, hẹn ngày hôm sau là làm xong. Trưa ngày 19/12/2018, L nhận được cuộc gọi Zalo (*không nhớ tên, số điện thoại*) bảo ra công viên T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để nhận bưu phẩm. L ra nhận và kiểm tra thấy bên trong có 01 bằng tốt nghiệp đại học của trường Đại học C cùng 01 bảng điểm, 01 giấy phép lái xe hạng B2 đều mang tên Phạm Đình Đ như đã đặt làm giả nên thanh toán cho người xe ôm số tiền 1.300.000đ. L chụp các giấy tờ giả vừa nhận được cho G xem trước (*và gửi nhằm thêm cả ảnh chụp bằng tốt nghiệp THPT của L*). G phát hiện bằng tốt nghiệp và bảng điểm bị làm nhằm thành hệ đại học nên thông tin cho Đ biết. Đ và G thống nhất vẫn nhận các giấy tờ giả đã làm và không phải trả thêm tiền. G yêu cầu L gửi chuyết phát qua Viettel Post các giấy tờ giả về cho G theo địa chỉ “Phạm Đình Đ, phố N, phường P, thành phố H. 0783138822”. Chiều ngày 19/12/2018, L ra Viettel Post Q, thành phố B, tỉnh Đồng Nai gửi bưu phẩm gồm: 01 bằng tốt nghiệp đại học trường Đại học C cùng 01 bảng điểm, 01 giấy phép lái xe hạng B2 đều mang tên Phạm Đình Đ cho G theo địa chỉ trên. Sáng 21/12/2018, nhân viên Viettel Post H gọi cho G ra nhận bưu phẩm, G đến nhận bưu phẩm và thanh toán số tiền 2.500.000đ cho L qua nhân viên Viettel Post. Sau đó G hẹn Đ đến nhận giấy tờ giả đã làm và thanh toán số tiền còn lại. Vào hồi 12 giờ ngày

24/12/2018, khi G đang giao cho Đ 01 bộ giấy tờ gồm: 01 giấy phép lái xe ô tô, 01 bằng tốt nghiệp đại học của trường Đại học C, 01 bảng ghi kết quả học tập đều mang tên Phạm Đình Đ tại quán cà phê Z ở phố Đ, thành phố H thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt giữ. Thu giữ trên tay Đ 01 giấy phép lái xe ô tô (bằng vật liệu nhựa) số 300948401957 mang tên Phạm Đình Đ có dấu của Sở giao thông vận tải tỉnh H; 01 bằng tốt nghiệp đại học của trường Đại học C cấp cho Phạm Đình Đ có hình dấu tròn của trường Đại học C và có chữ ký ở phần dành cho Hiệu trưởng; 01 bảng ghi kết quả học tập của Phạm Đình Đ có hình dấu tròn của trường Đại học C và có chữ ký ở phần dành cho Trưởng khoa. Thu giữ trên tay G số tiền 2.500.000đ; 01 điện thoại Xiaomi bên trong lắp sim 1 số 0869277782, sim 2 số 0783138822.

Tại Kết luận giám định số 18/KLGĐ ngày 21/01/2019, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 số 300948401957 đứng tên Phạm Đình Đ (ký hiệu A1) là giấy phép lái xe giả. Hình dấu tròn có nội dung “Trường Đại học C” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A2, A3) với hình dấu tròn có cùng nội dung trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M4) không phải do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký đứng tên hiệu trưởng Trần Đức Q trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A2) với chữ ký cùng tên trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M6) không phải do cùng một người ký ra. Chữ ký đứng trên trường khoa Kiều Xuân T trên tài liệu cần giám định (ký hiệu A3) với chữ ký cùng tên trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M5) không phải do cùng một người ký ra.

Tại Kết luận giám định số 51/KLGĐ ngày 20/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương kết luận: Chữ viết trên phiếu gửi (ký hiệu A) với chữ viết đứng tên Lê Vũ L trên các tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu M1-M3) là do cùng một người viết ra.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận thực hiện hành vi phạm tội như Viện kiểm sát đã truy tố.

Tại Cáo trạng số 23/CT-VKS-P2 ngày 18/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố Lê Vũ L và Vũ Ngọc G về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự (BLHS).

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX: Tuyên bố Lê Vũ L, Vũ Ngọc G phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 BLHS. Xử phạt bị cáo L từ 30 đến 33 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 04/4/2019.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo G từ 24 đến 27 tháng tù cho hưởng án

treo, thử thách từ 48 đến 57 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo G cho UBND phường P, thành phố H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTW Quốc Hội. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000đ của bị cáo G; truy thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000đ của bị cáo L; tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động Xiaomi và 01 điện thoại di động Iphone 6. Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại. Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi của các bị cáo: Lời nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của người liên quan, người làm chứng, vật chứng thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 15 đến ngày 24/12/2018, Vũ Ngọc G và Lê Vũ L đã liên hệ với nhau qua các tài khoản facebook mang tên “Hoàng Võ” của G, “Tran Le” của L để làm giả 01 Bằng tốt nghiệp Đại học C, 01 bảng kết quả học tập của Trường Đại học C và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 mang tên Phạm Đình Đ để G bán cho Đ với giá 4.500.000đ; G trả cho L 2.500.000đ. Hồi 12 giờ ngày 24/12/2018, khi G đang giao các giấy tờ nêu trên cho Đ tại quán cà phê Z ở phố Đ, thành phố H, tỉnh Hải Dương thì bị Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hải Dương phát hiện bắt giữ cùng tang vật.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu, tài liệu; gây ảnh hưởng xấu đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Các bị cáo là người có năng lực TNHS, nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Tài liệu bị làm giả là bằng tốt nghiệp, bảng ghi kết quả học tập của Trường Đại học C và giấy phép lái xe của Sở giao thông vận tải tỉnh H; số G tài liệu bị làm giả là 03 tài liệu nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 BLHS. Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Về vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS và xử lý đối với các bị cáo: Các bị cáo phạm tội không có sự chuẩn bị từ trước, không trực tiếp làm ra tài liệu giả mà chỉ là trung gian để được hưởng tiền chênh lệch nên xác định các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn và cùng giữ vai trò như nhau.

Tại Bản án số 154 ngày 25/3/2013, bị cáo L bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”, chưa được xóa án tích, lần này phạm tội do cố ý nên L phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS. Sau khi phạm tội, các bị cáo thành khẩn khai báo nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo G phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ TNHS tại điểm i khoản 1 Điều 51 BLHS. Bị cáo L có bố mẹ được tặng thưởng Huân chương, Huy chương kháng chiến nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Xét bị cáo L là người có tiền án, không có nơi cư trú rõ ràng nên cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để đảm bảo tác dụng giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo G có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và hiện đang là sinh viên nên không cần thiết bắt bị cáo phải cách ly xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng: 01 Bằng tốt nghiệp giả, 01 bảng kết quả học tập giả và 01 giấy phép lái xe giả đều mang tên Phạm Đình Đ là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

01 điện thoại di động Xiaomi màu đen có sim 1 số 0869277782, sim 2 số 0783138822 và 01 điện thoại di động Iphone 6 màu xám có sim số 0937114563 là phương tiện các bị cáo dùng liên lạc trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu phát mại hai chiếc điện thoại nộp ngân sách nhà nước và tịch thu tiêu hủy các sim điện thoại.

Số tiền 2.500.000đ thu giữ của bị cáo G và số tiền 2.500.000đ bị cáo L nhận của bị cáo G đều là tiền do phạm tội mà có nên cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

[6] Về tố tụng và các vấn đề khác: Đối tượng được L thuê làm giấy tờ giả qua tài khoản Zalo nhưng L không nhớ tên tài khoản zalo và không biết họ tên, địa chỉ của người đó nên không có căn cứ xử lý.

Liên quan trong vụ án có Phạm Đình Đ là người đề xuất việc làm giả tài liệu; trả tiền và cung cấp thông tin, ảnh chụp của mình để các bị cáo khác làm ra tài liệu giả nên có dấu hiệu đồng phạm với các bị cáo khác. Tại công văn số 279 ngày 09/9/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Dương xác định hành vi của Đ là vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục và không chấp nhận yêu cầu điều tra bổ sung của Tòa án. Căn cứ quy định về giới hạn của việc xét xử tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án không thể xét xử đối với Đ trong cùng vụ án này. Hội đồng xét

xử kiến nghị cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ vai trò của Phạm Đình Đ trong vụ án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự đối với Lê Vũ L.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 341; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với Vũ Ngọc G.

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Vũ L, Vũ Ngọc G phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về hình phạt:

2.1 Xử phạt Lê Vũ L **30** (*ba mươi*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 04/4/2019.

2.2 Xử phạt Vũ Ngọc G **27** (*hai mươi bảy*) tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **54** (*năm mươi bốn*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Vũ Ngọc G cho UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND phường P trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, Vũ Ngọc G phải thực hiện các nghĩa vụ của người được hưởng án treo theo quy định tại Điều 64 Luật thi hành án hình sự. Nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án 01 Bằng tốt nghiệp Đại học C, 01 bảng kết quả học tập của Trường Đại học C và 01 giấy phép lái xe ô tô hạng B2 đều mang tên Phạm Đình Đ.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000đ của bị cáo Vũ Ngọc G (*đã thu*).

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 2.500.000đ của bị cáo Lê Vũ L (*chưa thu*).

- Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn

hiệu Xiaomi màu đen và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 màu xám.

- Tịch thu tiêu hủy 03 sim điện thoại số 0869277782; số 0783138822 và số 0937114563.

Số vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/8/2019 giữa Công an tỉnh Hải Dương và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương.

4. Buộc Lê Vũ L và Vũ Ngọc G, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Dương;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- CQ CSĐT Công an tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Chi cục THADS TP. Hải Dương;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương;
- Các bị cáo; người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Quách Thị Phương Thuý